

**Tại đơn khởi kiện ngày 13/01/2022, biên bản hòa giải ngày 22/02/2022 cũng như tại phiên tòa, chị Nguyễn Sầu R trình bày:*

Chị R và anh N tự nguyện chung sống có tổ chức lễ cưới vào năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Anh chị chung sống tại ấp 11, xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung nên anh chị không còn chung sống với nhau từ năm 2010 đến nay. Vì vậy, chị R yêu cầu ly hôn với anh N.

Thời gian chung sống, anh chị có 03 con chung tên Nguyễn Thị T, sinh năm 1995, Nguyễn Văn G, sinh năm 1996 và Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 27/12/2004. Hiện nay T và G đã trưởng thành, có gia đình R và đi làm. Còn cháu L do chị R nuôi dạy. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi dạy cháu L nhưng không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên chị R không yêu cầu giải quyết.

**Tại biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải cùng ngày 22/02/2022 cũng như tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn N trình bày:*

Anh N thống nhất với phần trình bày của chị R về các mối quan hệ như hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Do anh chị sống chung không còn hạnh phúc nên anh thống nhất ly hôn theo yêu cầu chị R. Khi ly hôn, anh tự nguyện giao cháu L cho chị R nuôi dạy nhưng anh không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Chị R và anh N chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn là chưa tuân thủ đúng quy định pháp luật nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, căn cứ vào Điều 14, Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị R và anh N là vợ chồng; con chung là cháu L hiện chị R nuôi dạy nên cần tiếp tục giao chị R nuôi dạy, anh N không phải cấp dưỡng nuôi cháu L; cháu T và cháu G đã trưởng thành nên theo ai người đó nuôi dạy không đề nghị xem xét; tài sản chung và nợ

chung không có và không yêu cầu nên không đề nghị xem xét. Chị R phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Sầu R khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn N. Do anh chị chung sống không có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc không công nhận vợ chồng; Anh N có địa chỉ tại ấp A, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị R thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị R và anh N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống anh chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Tại biên bản hòa giải ngày 22/02/2022, anh chị thừa nhận thời gian chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn nên không còn chung sống với nhau từ năm 2010 đến nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị Nguyễn Sầu R và anh Nguyễn Văn N là vợ chồng.

[3] Về con chung: Xét thấy, thời gian chung sống anh chị có 03 người con chung tên Nguyễn Thị T, sinh năm 1995, Nguyễn Văn G, sinh năm 1996, Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 27/12/2004. Xét thấy, chị R yêu cầu tiếp tục nuôi dạy cháu L là có cơ sở. Bởi vì, cháu L hiện chị R trực tiếp nuôi dạy nên việc hoán đổi nuôi con sẽ ảnh hưởng đến tình cảm của cháu L. Hơn nữa, tại bản tự khai ngày 11/01/2022 cháu L có yêu cầu và nguyện vọng được sống cùng với chị R; tại biên bản hòa giải ngày 22/02/2022 anh N tự nguyện giao cháu L cho chị R tiếp tục nuôi dạy. Vì vậy, cần tiếp tục giao cháu L cho chị R nuôi dạy là có cơ sở. Các cháu Nguyễn Thị T và Nguyễn Văn G đã trưởng thành và có gia đình R nên theo ai người đó nuôi dạy anh chị không có yêu cầu giải quyết nên không xét.

Chị R không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi cháu L nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án anh chị xác định thời gian chung sống, anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Sầu R phải chịu án phí – Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 14, 53, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Sầu R và anh Nguyễn Văn N là vợ chồng

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 27/12/2004 cho chị Nguyễn Sầu R tiếp tục nuôi dạy. Anh Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh N không trực tiếp nuôi dạy cháu L nhưng anh có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu L phù hợp theo quy định pháp luật không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Sầu R phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 13 tháng 01 năm 2022 chị R có dự nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0014689 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

4. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã T B;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Kiều Trang